

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 121/2026/HNGĐ-ST
Ngày 20-8-2026
Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh Cần;
- Ông Lê Quốc Quân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh

Trong ngày 20 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 269/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2026 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/20126/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1991, Căn cước công dân số 083191008619 cấp ngày 03/7/2021, địa chỉ: ấp Đ, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Ông Trần Văn Mười A, sinh năm 1987, Căn cước công dân số 083087008345. Địa chỉ: P, nhà T, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 01 năm 2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông Trần Văn M Anh quen nhau, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2009. Sau đó bà N tiến hành đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 31, quyển số 01 ngày 06/7/2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2023 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau do bất đồng quan điểm không tìm được tiếng nói chung làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa. Đến cuối năm 2023 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên bà N và ông Mười A sống ly thân cho đến nay.

Nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu Tòa án cho cho bà N được ly hôn với ông **Trần Văn Mười A**.

Về con chung: Bà N và ông A có 01 con chung tên **Trần Ngọc H**, sinh ngày 14/12/2011, hiện cháu H đang sống cùng bà N, sau ly hôn bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu **Trần Ngọc H**, không yêu cầu anh **Mười A** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà phát biểu quan điểm như sau:

- *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà **Nguyễn Thị N** được ly hôn với ông **Trần Văn Mười A**.

Về con chung: Giao con chung tên **Trần Ngọc H**, sinh ngày 14/12/2011 cho bà **Nguyễn Thị N** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà **Nguyễn Thị N** không yêu cầu ông **Trần Văn M** Anh cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình mà bị đơn cư trú tại **phường T, Thành phố Hồ Chí Minh** và nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết. Căn cứ vào Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà **Nguyễn Thị N** vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông **Mười A** đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Trần Văn M Anh quen nhau, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2009. Sau đó bà N tiến hành đăng ký kết hôn và được ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 31, ngày 06/7/2009, đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà N khởi kiện cho rằng, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau do bất đồng quan điểm không tìm được tiếng nói chung làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa. Đến cuối năm 2023 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên bà N và ông Mười A sống ly thân cho đến nay. Bị đơn ông Mười A đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt, chứng tỏ ông Mười A không muốn hàn gắn đoàn tụ, có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa ông Mười A và bà N không còn.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N, ông Mười A là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà N có yêu cầu xin được ly hôn với ông Mười A là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà N và ông Mười A có 01 con chung tên Trần Ngọc H, sinh ngày 14/12/2011, hiện cháu H đang sống cùng bà N, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Trần Ngọc H sau ly hôn. Xét thấy, con chung đang sống với bà N cho nên việc bà N yêu cầu trực tiếp nuôi con chung là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà N tự nguyện không yêu cầu ông Mười A cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Trần Văn M Anh tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N về việc ly hôn với bị đơn ông Trần Văn Mười A như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Trần Văn Mười A.

- *Về con chung*: Giao cháu Trần Ngọc H, sinh ngày 14/12/2011 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Trần Văn M Anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026578 ngày 24/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Tâm